

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Đài.

2. Ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 902/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Ông Đặng Vinh Q, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và ông Đặng Vinh Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã. Ông Q sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không làm tròn bổn phận của người chồng, người cha, đi làm nhưng không đưa tiền phụ giúp gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Q không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông Đặng Vinh Q.

Về con chung: Bà H và ông Q có 02 người con chung tên Đặng Nguyễn Bảo H, sinh ngày 25/01/2010 và Đặng Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/10/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu B. Tạm thời bà không yêu cầu ông Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đặng Vinh Q vắng mặt: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông Q đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H. Cho bà H được ly hôn với ông Đặng Vinh Q.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đặng Nguyễn Bảo H, sinh ngày 25/01/2010 và cháu Đặng Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng, ông Q không có ý kiến trình bày nên tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Q không có ý kiến trình bày nên đề nghị Tòa án tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà H cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Vinh Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2006 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã. Ông Q thiếu trách nhiệm với gia đình, không làm tròn bổn phận của người chồng, người cha, đi làm nhưng không đưa tiền phụ giúp gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Ông Q đã nhiều lần được Tòa án triệu tập tới để hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H, ông Q có 02 người con chung là cháu Đặng Nguyễn Bảo H, sinh ngày 25/01/2010 và cháu Đặng Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/10/2012. Căn cứ nguyện vọng của cháu H và cháu B cũng như ý kiến của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Đặng Nguyễn Bảo H và cháu Đặng Nguyễn Gia B cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông Q không phải đóng góp cho bà H tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Vinh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Q không có ý kiến trình bày nên Tòa án tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266,

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Đặng Vinh Q.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Đặng Nguyễn Bảo H, sinh ngày 25/01/2010 và Đặng Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Đặng Vinh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Vinh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0007407 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đặng Vinh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND TT. Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 203 ngày 13/12/2006);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm